

II. NỘI DUNG SỬA ĐỔI VÀ BỔ SUNG QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY CÔNG TY CỔ PHẦN MẠ KẼM CÔNG NGHIỆP VINGAL- VNSTEEL

STT	NỘI DUNG QUY CHẾ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
1	<p>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng</p> <p>1. Phạm vi điều chỉnh</p> <p>1.1 Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị Công ty cổ phần Mạ kẽm công nghiệp Vingal - Vnsteel để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông; thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp và mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và người điều hành khác của Công ty.</p> <p>1.2 Những nội dung chưa được quy định trong Quy chế này hoặc có sự mâu thuẫn với quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty thì được điều chỉnh bởi những quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn liên quan.</p> <p>2. Đối tượng áp dụng</p> <p>Quy chế này được áp dụng trong phạm vi và cấp độ quản trị, điều hành hoạt động của Công ty.</p>	<p>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng</p> <p>1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.</p> <p>2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người liên quan.</p>	<p><i>Cập nhật theo mẫu Quy chế tại Thông tư 116</i></p>
2	<p>Điều 2: Giải thích từ ngữ</p>	Bỏ	<p><i>Theo bố cục mẫu</i></p>

	Điều 3: Nguyên tắc quản trị		<i>Quy chế tại Thông tư 116.</i>
3	Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12, Điều 13, Điều 14, Điều 15, Điều 16,	Điều 2. Đại hội đồng cổ đông	<i>Theo bố cục mẫu Quy chế tại Thông tư 116.</i>
4	Chưa quy định	<p>Khoản 1 Điều 2</p> <p>1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty.</p> <p>Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau đây:</p> <p>1.1 Thông qua định hướng phát triển của công ty;</p> <p>1.2 Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;</p> <p>1.3 Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;</p> <p>1.4 Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một tỷ lệ hoặc một giá trị khác;</p> <p>1.5 Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;</p>	<i>Điều 138 Luật doanh nghiệp</i>

		<p>1.6 Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;</p> <p>1.7 Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;</p> <p>1.8 Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên gây thiệt hại cho công ty và cổ đông công ty;</p> <p>1.9 Quyết định tổ chức lại, giải thể công ty;</p> <p>1.10 Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>1.11 Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>1.12 Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;</p> <p>1.13 Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</p>	
5	<p>Khoản 1 Điều 5</p> <p>1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm 4.2 hoặc 4.3 khoản 4 Điều 14 Điều lệ Công ty.</p>	<p>Điểm 2.1 Khoản 2 Điều 2: Thảm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông; Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ Công ty.</p>	<p><i>Theo Điều 18 Điều lệ mẫu Thông tư 116</i></p>
6	<p>Khoản 2 Điều 4</p>	<p>Điểm 2.2 khoản 2 Điều 2: Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp</p>	

	<p>2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p><i>Điều 141 Luật Doanh nghiệp</i></p>
7	<p>Khoản 2 Điều 5</p> <p>2. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức đảm bảo, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin điện tử (Website) của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch). Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười lăm (15) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp</p>	<p>Điểm 2.4 khoản 2 Điều 2: Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức đảm bảo, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin điện tử (Website) của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch). Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).</p>	<p><i>Điều 143 Luật Doanh nghiệp</i></p>

	<p>Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:</p> <p>2.1 Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;</p> <p>2.2 Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>2.3 Phiếu biểu quyết;</p> <p>2.4 Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;</p> <p>2.5 Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.</p>	<p>Điểm 2.5 khoản 2 Điều 2</p> <p>2.5 Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:</p> <p>2.5.1 Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;</p> <p>2.5.2 Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>2.5.3 Phiếu biểu quyết;</p> <p>2.5.4 Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.</p>	<p><i>Điều 143 Luật Doanh nghiệp</i></p>
8	<p>Điểm 3.3 Khoản 3 Điều 6</p> <p>3.3 Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:</p> <p>...</p>	<p>Tiết 2.6.3 Điểm 2.6 Khoản 2 Điều 2: Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2.6.3 Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự, phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền và phải có chữ ký theo quy định sau đây:</p>	<p><i>Điều 144 Luật Doanh nghiệp</i></p>

<p>9 Chưa quy định</p>	<p>Điểm 2.9 khoản 2 Điều 2: Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>2.9 Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>2.9.1 Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.</p> <p>2.9.2 Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>2.9.2.1 Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ công ty;</p> <p>2.9.2.2 Định hướng phát triển công ty;</p> <p>2.9.2.3 Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</p> <p>2.9.2.4 Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;</p> <p>2.9.2.5 Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;</p> <p>2.9.2.6 Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;</p> <p>2.9.2.7 Tổ chức lại, giải thể công ty.</p>	<p><i>Theo Điều 147 Luật doanh nghiệp và phù hợp với Điều 15. Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản của quy chế hiện hành</i></p>
------------------------	--	--

10	<p>Khoản 1 Điều 13</p> <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt và có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>1.1 Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p> <p>1.2 Thời gian và địa điểm;</p> <p>1.3 Chương trình họp và nội dung cuộc họp;</p> <p>1.4 Họ, tên chủ tọa và thư ký;</p> <p>1.5 Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;</p> <p>1.6 Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;</p> <p>1.7 Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;</p> <p>1.8 Tổng hợp số phiếu bầu đối với từng ứng viên;</p>	<p>Điểm 2.15 khoản 2 Điều 2: Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2.15.1 Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt và có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; - Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông; - Chương trình họp và nội dung cuộc họp; - Họ, tên chủ tọa và thư ký; - Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp; - Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng; - Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp; - Tổng hợp số phiếu bầu đối với từng ứng viên; 	<p><i>Điều 150 Luật Doanh nghiệp</i></p>
----	---	--	--

	<p>1.9 Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng.</p> <p>1.10 chữ ký của chủ tọa và thư ký.</p>	<p>- Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng.</p> <p>- Họ tên chữ ký của chủ tọa và thư ký.</p> <p>Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.</p>	
11	<p>Điều 14. Thông qua và công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua Người được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>...</p>	<p>Điểm 2.12 khoản 2 Điều 2: Điều kiện để Nghị quyết được thông qua</p> <p>2.12.1 Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; - Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; - Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty; - Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; - Tổ chức lại, giải thể Công ty; - Vấn đề khác do Điều lệ này quy định. <p>2.12.2 Các nghị quyết được thông qua khi</p>	<p><i>Viết lại theo Điều lệ mẫu và Điều 148 Luật Doanh nghiệp</i></p>

		<p>được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại Tiết 2.12.1 Điểm 2.12 khoản 2 Điều này và các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>2.12.3 Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.</p>	
12	<p>Khoản 6 Điều 14</p> <p>6. Công ty thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.</p>	<p>Điểm 2.16 Khoản 2 Điều 2. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông</p> <p>7. Công ty thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.</p>	<i>Cập nhật Thông tư mới</i>
13	<p>Khoản 2 Điều 15</p> <p>2. Quy trình lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản</p> <p>2.1 Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 18 Điều lệ Công ty.</p>	<p>Điểm 3.2 Khoản 3 Điều 2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</p> <p>3.2.1 Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 18 Điều lệ Công ty.</p>	<i>Điều 149 Luật Doanh nghiệp</i>

<p>2.2 Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; - Mục đích lấy ý kiến; - Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông; - Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định; - Phương án biểu quyết bao gồm Tán thành, Không tán thành và Không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến; - Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời; - Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty. <p>2.3 Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải</p>	<p>3.2.2 Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; - Mục đích lấy ý kiến; - Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông; - Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định; - Phương án biểu quyết bao gồm Tán thành, Không tán thành và Không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến; - Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời; - Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị. <p>3.2.3 Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân,</p>	
---	---	--

<p>có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.</p> <p>2.4 Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo hình thức sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu; - Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu. <p>Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.</p> <p>2.5 Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người nắm giữ chức vụ quản lý của Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; - Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết; 	<p>người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.</p> <p>3.2.4 Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo hình thức sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu; - Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu. <p>Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.</p> <p>3.2.5 Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người nắm giữ chức vụ quản lý của Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; - Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết; - Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu 	
--	--	--

- Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

- Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

- Các vấn đề đã được thông qua;

- Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, ~~người đại diện theo pháp luật của Công ty và của~~, người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

2.6 Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

2.7 Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua

biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

- Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

- Các vấn đề đã được thông qua **và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;**

- Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu **và người kiểm phiếu.**

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

3.2.6 Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

3.2.7 Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3.2.8 Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số

	<p>và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p> <p>2.8 Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>cổ đông đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	
14	<p>Chưa quy định</p>	<p>Khoản 4 Điều 2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến</p> <p>Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</p>	<p><i>Khoản 10 Điều 20 Điều lệ mẫu</i></p>
15	<p>Điều 17: Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên</p> <p>Điều 18: Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.</p>	<p>Bỏ</p>	<p><i>Theo bố cục mẫu Quy chế tại Thông tư 116.</i></p>
16	<p>Điều 19, Điều 20, Điều 21, Điều 22, Điều 23,</p>	<p>Điều 3. Hội đồng quản trị</p>	<p><i>Theo bố cục mẫu</i></p>

	Điều 24, Điều 25, Điều 26, Điều 27, Điều 28, Điều 29, Điều 30, Điều 31, Điều 32,		<i>Quy chế tại Thông tư 116.</i>
17	<p>Điều 20. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>Hội đồng quản trị phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, ngoài ra Hội đồng quản trị có các trách nhiệm và nghĩa vụ sau:</p> <p>...</p>	<p>Điểm 1.1 Khoản 1 Điều 3</p> <p>1.1 Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>Hội đồng quản trị phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, ngoài ra Hội đồng quản trị có các trách nhiệm và nghĩa vụ sau:</p> <p>...</p>	<i>Điều 153 Luật doanh nghiệp</i>
18	Chưa quy định	<p>Điểm 2.1 Khoản 2 Điều 3</p> <p>2.1 Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.</p>	<i>Điều lệ công ty</i>
19	Điều 21	<p>Điểm 2.2 Khoản 2 Điều 3</p> <p>2.2 Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị;</p>	<i>Điều lệ công ty</i>
	1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:		

	<p>1.1 Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp;</p>	<p>Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Trong trường hợp công ty niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị chiếm một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đáp ứng đầy đủ điều kiện theo quy định của Pháp luật.</p> <p>2.2.1 Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp; 	
20	<p>Khoản 1 Điều 22</p> <p>1. Ứng cử, đề cử vào Hội đồng quản trị</p> <p>Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; và từ 65% trở lên được đề cử năm (05)</p>	<p>Điểm 2.3 Khoản 2 Điều 3</p> <p>2.3 Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>2.3.1 Ứng cử, đề cử vào Hội đồng quản trị</p> <p>Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; và từ 65% trở lên được</p>	<p><i>Khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp</i></p>

	ứng viên trở lên.	đề cử năm (05) ứng viên trở lên.	
21	<p>Điều 24</p> <p>Thành viên HĐQT không còn tư cách thành viên HĐQT trong các trường hợp sau:</p> <p>1. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên HĐQT theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên HĐQT.</p> <p>2. Thành viên đó có đơn từ chức.</p>	<p>Điểm 2.5 Khoản 2 Điều 3</p> <p>2.5 Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>2.5.1 Thành viên HĐQT không còn tư cách thành viên HĐQT trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên HĐQT theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên HĐQT. - Thành viên đó có đơn từ chức và được chấp thuận. 	<i>Điều 160 Luật Doanh nghiệp</i>
22	<p>Điều 27. Thông báo họp Hội đồng quản trị</p> <p>1. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên HĐQT và các kiểm soát viên ít nhất (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên HĐQT có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản các thành viên HĐQT đó. Thông báo họp HĐQT phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và</p>	<p>Điểm 4.3 Khoản 4 Điều 3</p> <p>Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên HĐQT và các thành viên Ban kiểm soát ít nhất (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên HĐQT có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản các thành viên HĐQT đó. Thông báo họp HĐQT phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.</p>	<i>Điều 30 Điều lệ mẫu</i>

	phiếu biểu quyết của thành viên.		
23	<p>Điều 28. Cuộc họp Hội đồng quản trị</p> <p>3. Cuộc họp Hội đồng quản trị bất thường: Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:</p> <p>3.1 Ban kiểm soát;</p> <p>3.2 Tổng giám đốc hoặc ít nhất ba (03) người điều hành khác;</p> <p>3.3 Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>3.4 Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.</p>	<p>Điểm 4.2 Khoản 4 Điều 3</p> <p>4.2 Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường;</p> <p>4.2.1 Cuộc họp Hội đồng quản trị bất thường: Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ban kiểm soát; - Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác; - Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị; - Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. 	<p><i>Khoản 3 Điều 30 Điều lệ mẫu</i></p>
24	<p>Chưa quy định</p>	<p>Điểm 4.10 Khoản 4 Điều 3</p> <p>4.10 Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị;</p> <p>Trường hợp chủ tọa và/hoặc người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung 4.9.1.1, 4.9.1.2, 4.9.1.3, 4.9.1.4, 4.9.1.5, 4.9.1.6, 4.9.1.7 và 4.9.1.8 theo quy</p>	<p><i>Khoản 2 Điều 158 Luật doanh nghiệp 2020</i></p>

		định tại Tiết 4.9.1 Điểm 4.9 Khoản 4 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.	
25	Chưa quy định	<p>Điểm 5.1 Khoản 5 Điều 3</p> <p>5.1 Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau: <ul style="list-style-type: none"> + Có hiểu biết về pháp luật; + Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty; + Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và quyết định của Hội đồng quản trị. 	<i>Khoản 2 Điều 281 Nghị định 155/2020/NĐ-CP và bổ sung một số tiêu chuẩn cho phù hợp.</i>
26	Chưa quy định	<p>Điểm 5.2 Khoản 5 Điều 3</p> <p>5.2 Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty;</p> <p>Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty được quy định tại điều 32 Điều lệ Công ty.</p>	<i>Khoản 1 Điều 32 Điều lệ mẫu</i>
27	Chưa quy định	<p>Điểm 5.3 Khoản 5 Điều 3</p> <p>5.3 Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty;</p> <p>Hội đồng quản trị miễn nhiệm người phụ trách quản trị công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị phù hợp với các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy chế này, và không trái với các quy định của</p>	<i>Tham khảo theo các trường hợp miễn nhiệm thành viên HĐQT, BKS</i>

		<p>pháp luật lao động. Người phụ trách quản trị công ty có thể bị miễn nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không còn đủ tiêu chuẩn làm người phụ trách quản trị công ty theo quy định tại Điều lệ và Quy chế này; - Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công; hoặc Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng; - Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của người phụ trách quản trị công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty; - có đơn từ nhiệm và được chấp thuận; - Theo quyết định của Hội đồng quản trị. 	
28	Chưa quy định	<p>Điểm 5.4 Khoản 5 Điều 3</p> <p>5.4 Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty;</p> <p>Sau khi có quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm người phụ trách quản trị công ty, Công ty có trách nhiệm thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm người phụ trách quản trị công ty theo quy định của pháp luật hiện hành.</p>	<p><i>Công bố thông tin về bổ nhiệm, miễn nhiệm người nội bộ theo điểm 1 khoản 1 Điều 11 Thông tư 96/2020/TT-BTC</i></p>
29	Chưa quy định	<p>Điểm 5.5 Khoản 5 Điều 3</p> <p>5.5 Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách</p>	<p><i>Khoản 3 Điều 32 Điều lệ mẫu Thông</i></p>

		<p>quản trị công ty.</p> <p>Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>5.5.1 Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;</p> <p>5.5.2 Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;</p> <p>5.5.3 Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;</p> <p>5.5.4 Tham dự các cuộc họp;</p> <p>5.5.5 Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;</p> <p>5.5.6 Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>5.5.7 Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;</p> <p>5.5.8 Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;</p> <p>5.5.9 Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;</p> <p>5.5.10 Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p>	<p><i>tr 116</i></p>
--	--	--	----------------------

30	Điều 33, Điều 34, Điều 35, Điều 36, Điều 37, Điều 38,	Điều 4. Ban Kiểm soát	<i>Theo bố cục mẫu Quy chế tại Thông tư 116.</i>
31	Chưa quy định	<p>Khoản 1 Điều 4</p> <p>1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát.</p> <p>1.1 Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát</p> <p>Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết. - Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình. - Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác. - Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông. - Trùng hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều 	<i>Cập nhật theo Điều lệ mẫu và mẫu quy chế hoạt động của BKS theo Thông tư 116</i>

		<p>hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua. - Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán. - Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc. - Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty. - Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật. <p>1.2 Quyền và trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát</p> <p>1.2.1 Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.</p>	
--	--	--	--

		<p>1.2.2 Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.</p> <p>1.2.3 Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.</p> <p>1.2.4 Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</p> <p>1.2.5 Trường hợp vi phạm quy định tại các Tiết 1.2.1, 1.2.2, 1.2.3, 1.2.4 Điều 1.2 khoản 1 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.</p> <p>1.2.6 Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.</p>	
32	Điều 33. Tiêu chuẩn Kiểm soát viên	<p>Khoản 2 Điều 4</p> <p>2. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát bao gồm các nội dung chính sau đây:</p>	

	<p>Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và đáp ứng thêm các điều kiện sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Phải là người có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm. Kiểm soát viên có thể không phải là cổ đông của Công ty. 2. Không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty. 3. Không phải là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liên trước đó. 	<p>2.1 Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban Kiểm soát;</p> <p>Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát là 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p>2.2 Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát;</p> <p>Thành viên Ban Kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 169 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và đáp ứng thêm các điều kiện sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phải là người có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm. Thành viên Ban Kiểm soát có thể không phải là cổ đông của Công ty. - Không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty. - Không phải là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liên trước đó. 	<p><i>Điều lệ công ty</i></p>
<p>33</p>	<p>Khoản 1 Điều 34</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Ứng cử, đề cử vào vị trí Kiểm soát viên được thực hiện như sau: <ol style="list-style-type: none"> 1.1 Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) 	<p>Khoản 2 Điều 4</p> <ol style="list-style-type: none"> 2. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát bao gồm các nội dung chính sau đây: 2.3 Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát; 	<p><i>Khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp</i></p>

	<p>thành có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; và từ 65% trở lên được đề cử năm (05) ứng viên trở lên</p>	<p>2.3.1 Ứng cử, đề cử vào vị trí thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện như sau:</p> <p>- Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; và từ 65% trở lên được đề cử năm (05) ứng viên trở lên.</p>	
34	Điều 39, Điều 40, Điều 41, Điều 42, Điều 43,	Điều 5. Tổng Giám đốc	<i>Theo bố cục mẫu Quy chế tại Thông tư 116.</i>
35	Chưa quy định	<p>Khoản 1, Điều 5</p> <p>1. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc;</p> <p>Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.</p>	<i>Điều 162 Luật doanh nghiệp</i>
36	<p>Khoản 1, 2 Điều 39</p> <p>1. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc</p> <p>1.1 Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý</p>	<p>Tiết 2.1.2 Điểm 2.1 Khoản 2 Điều 5</p> <p>2.1.2 Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc</p> <p>- Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp</p>	

	<p>doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 điều 18 của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>1.2 Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty.</p> <p>2. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Phó Tổng Giám đốc</p> <p>2.1 Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 điều 18 của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>2.2 Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty.</p>	<p>theo quy định tại khoản 2 điều 17 của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>- Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ;</p> <p>- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty.</p> <p>2.1.3 Tiêu chuẩn và điều kiện làm Phó Tổng Giám đốc</p> <p>2.1 Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 điều 17 của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>2.2 Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty.</p>	<p><i>Điều 162 Luật Doanh nghiệp</i></p>
37	<p>Khoản 3 Điều 42.</p> <p>3. Các đối tượng không được tham gia quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>Điểm 2.3 Khoản 2 Điều 5</p> <p>2.3 Miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc</p> <p>...</p> <p>2.3.3 Các đối tượng không được tham gia quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp.</p>	
38	<p>Điều 44, Điều 45, Điều 46, Điều 47, Điều 48, Điều 49, Điều 50, Điều 51, Điều 52, Điều 53, Điều 54,</p>	<p>Điều 6. Các hoạt động khác</p>	<p><i>Theo bố cục mẫu Quy chế tại Thông tư 116.</i></p>
39	<p>Điều 55. Sửa đổi Quy chế nội bộ về quản</p>	<p>Điều 7. Hiệu lực thi hành</p>	

<p>trị Công ty</p> <p>Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này phải được HĐQT đề xuất, trình Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua.</p> <p>Điều 56. Ngày hiệu lực</p> <p>1. Quy chế này gồm 8 chương 56 điều, được ĐHĐCĐ Công ty thông qua theo Nghị quyết ngày 12/4/2019 của ĐHĐCĐ Công ty.</p> <p>2. Quy chế nội bộ về quản trị công ty này là duy nhất và chính thức của Công ty.</p> <p>3. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT hoặc ít nhất hai phần ba (2/3) tổng số thành viên HĐQT mới có giá trị.</p>	<p>Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần Mạ kẽm công nghiệp Vingal-Vnsteel bao gồm 7 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày.....tháng.....năm 2021</p>	<p><i>Cập nhật theo mẫu Quy chế tại Thông tư 116</i></p>
--	--	--